

1. Tổng quan về chính sách tiền tệ

Trong nền kinh tế thị trường, vai trò của tiền tệ, tín dụng và ngân hàng là rất quan trọng. Để phát huy được vai trò tích cực của tiền tệ, tín dụng và ngân hàng trong việc thúc đẩy nền kinh tế – xã hội phát triển, thì vấn đề quan trọng hàng đầu là cần có một chính sách đúng đắn và tích cực trong việc sử dụng các công cụ tiền tệ – tín dụng và ngân hàng để phục vụ cho công cuộc xây dựng và phát triển kinh tế – xã hội. Việc xây dựng một hệ thống chính sách tiền tệ đúng đắn phải tiến hành trên cơ sở phản ánh các quan điểm và tư duy kinh tế mới, vừa phù hợp với yêu cầu của các quy luật khách quan, vừa phản ánh đúng tình hình thực tiễn về kinh tế – xã hội của đất nước, sẽ cho phép sử dụng và phát huy tối đa vai trò của tiền tệ, tín dụng và ngân hàng trong nền kinh tế thị trường có điều tiết.

Như vậy, có thể nói chính sách tiền tệ, là hệ thống quan điểm chủ trương và biện pháp của Nhà nước, nhằm tác động và điều chỉnh các hoạt động về tiền tệ, tín dụng và ngân hàng để đạt được những mục tiêu cụ thể trước mắt, cũng như đạt được mục tiêu cơ bản về kinh tế – xã hội.

Từ khái niệm nêu trên, nổi lên mấy vấn đề có tính lý luận sau đây:

Thứ nhất, xét về nhận thức và quan điểm có liên quan, chúng ta thấy tiền tệ là công cụ, là phương tiện để phát triển kinh tế hàng hóa, sự vận động của nó có tính tự phát rất cao, nhưng nếu được sử dụng và điều tiết một cách khoa học và có cơ sở thì nó sẽ phát huy vai trò tích cực, đối với nền kinh tế – xã hội. Đây chính là điểm mấu chốt của vấn đề trong việc xây dựng và thực thi chính sách tiền tệ. Như vậy, chính

Chính sách tiền tệ chống lạm phát

Nhìn từ góc độ lý luận và thực tiễn ở Việt Nam hiện nay

PGS.TS. NGUYỄN ĐĂNG DỒN & ThS. NGUYỄN QUỐC ANH

sách tiền tệ, trước hết, phải phản ánh được quan điểm và chính sách của Đảng và Nhà nước trong chiến lược và sách lược về phát triển kinh tế – xã hội, chính sách tiền tệ phải hướng đến việc thực hiện chiến lược và sách lược đó trong từng thời kỳ.

Thứ hai, chính sách tiền tệ phải là một hệ thống đồng bộ với nhiều giải pháp để tác động và điều chỉnh lên tất cả các mặt hoạt động tiền tệ – tín dụng, ngân hàng trong một định hướng và mục tiêu thống nhất. Chính điều này đã làm cho chính sách tiền tệ trở thành một trong những công cụ quản lý vĩ mô quan trọng nhất, mà Nhà nước có đầy đủ quyền lực và khả năng để sử dụng nó trong quản lý kinh tế. Điều này cũng muốn khẳng định rằng Ngân hàng Trung ương tuy có vai trò to lớn trong việc thực thi chính sách tiền tệ nhưng nếu không có sự phối hợp chặt chẽ với các Bộ, ngành, địa phương thì không thể đạt được mục tiêu của chính sách tiền tệ.

Thứ ba, chính sách tiền tệ luôn luôn phải xác định rõ mục tiêu, trách nhiệm và quyền hạn của bộ máy điều hành chính sách tiền tệ quốc gia. Bất kỳ một chính sách tiền tệ nào cũng phải xác định được mục tiêu của nó, các nhà nghiên cứu đề cập đến nhiều mục tiêu với nhiều góc độ khác nhau. Có thể tổng hợp thành 2 nhóm mục tiêu sau đây:

• Mục tiêu cơ bản, lâu dài.

Đây là mục tiêu xuyên suốt, mục tiêu phải đạt được khi điều hành chính sách tiền tệ. Mục tiêu cơ bản đòi hỏi phải trải qua một giai đoạn nhất định, không thể đạt được ngay, mà phải có thời gian để các giải pháp phát huy được tác dụng, mục tiêu cơ bản mà bất kỳ chính sách tiền tệ nào cũng phải hướng đến là:

– Đảm bảo sự ổn định và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế: Đây là vấn đề quan trọng bậc nhất của chính sách quản lý kinh tế nói chung và chính sách tiền tệ nói riêng. Muốn có tăng trưởng kinh tế, trước hết phải tạo ra sự ổn định, không có sự ổn định thì không có tăng trưởng bền vững, đó là nguyên lý nghe có vẻ giản đơn, nhưng thực ra là quá lớn lao và phức tạp. Trong điều kiện nền kinh tế quốc gia đã hội nhập với khu vực về thế giới, chúng ta phải tuân thủ các nguyên tắc của thị trường với những cam kết mở cửa thì việc duy trì sự ổn định về kinh tế, đồng thời tạo đà tăng trưởng kinh tế đòi hỏi sự phấn đấu của tất cả các cấp, các ngành, từ trung ương đến địa phương, trong đó ngành tài chính – ngân hàng giữ vị trí rất đặc biệt, thông qua việc điều hành chính sách tiền tệ.

– Tạo việc làm cho người lao động: Đây là mục tiêu có ý nghĩa kinh tế – xã hội sâu sắc, tạo được công ăn việc làm cho người lao động, không những làm cho nền kinh tế ổn định, tăng trưởng mà còn góp phần ổn định trật tự xã hội, đồng

thời góp phần giảm bớt sự phân hóa giàu nghèo trong xã hội.

● **Mục tiêu ngắn hạn trước mắt là ổn định giá trị đồng tiền và kiềm chế lạm phát.**

Đây là mục tiêu phải đạt được trong ngắn hạn, nhưng không được phá vỡ hoặc làm sai lệch mục tiêu cơ bản, nghĩa là mục tiêu trước mắt cũng phải hướng đến mục tiêu cơ bản.

Ổn định giá trị đồng tiền và kiềm chế lạm phát, đòi hỏi trong thực thi chính sách tiền tệ, Ngân hàng Trung ương cần kiểm soát và điều hòa khối tiền giao dịch của nền kinh tế. Ổn định giá trị của đồng tiền sẽ là điều kiện để duy trì và phát triển các quan hệ tài chính, tín dụng, làm cho hệ thống tài chính hoạt động tốt hơn, hiệu quả hơn. Ổn định giá trị đồng tiền không những góp phần ổn định thị trường và giá cả trong nước mà còn góp phần ổn định tỷ giá để thúc đẩy hoạt động kinh tế đối ngoại phát triển thuận lợi.

Như vậy, việc hoạch định và thực thi chính sách tiền tệ mà đạt được chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế cao, lạm phát được kiểm soát với chỉ số CPI thấp, thì được coi là thành công lớn trong điều hành và quản lý kinh tế vĩ mô của bất kỳ một Chính phủ nào.

2. Chính sách tiền tệ chống lạm phát hiện nay ở VN.

Về mặt định tính – tùy theo điều kiện cụ thể của nền kinh tế, chính sách tiền tệ được chia làm 2 loại là: Chính sách tiền tệ chống lạm phát và Chính sách tiền tệ chống suy thoái kinh tế.

Chính sách tiền tệ chống lạm phát là chính sách tiền tệ được vận hành trong điều kiện nền kinh tế đang ở trong tình trạng lạm phát cao và có xu hướng gia tăng. Chính phủ và các cơ quan chức năng như

NHTW, Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch Đầu tư, Bộ Công thương... đều phải nhất quán thực hiện chính sách thắt chặt tiền tệ (Tight Monetary Policy). Trong trường hợp ngược lại, nền kinh tế có dấu hiệu suy thoái, nạn thất nghiệp gia tăng, thì phải thực thi chính sách tiền tệ mở rộng (Easy Monetary Policy) để ngăn chặn đà suy giảm của nền kinh tế.

Kiểm chứng giữa lý luận và thực tiễn ở Việt Nam hiện nay, đòi hỏi chúng ta phải thực thi chính sách tiền tệ chống lạm phát. Tuy nhiên việc giải bài toán giữa tăng trưởng kinh tế cao và kiềm chế lạm phát với chỉ số thấp lại là vấn đề cực kỳ khó khăn trong giai đoạn hiện nay.

Theo quan điểm của một số chuyên gia kinh tế thì giữa tăng trưởng kinh tế và tỷ lệ lạm phát hình như có sự vận động cùng chiều, muốn có tỷ lệ tăng trưởng kinh tế cao cần chấp nhận một tỷ lệ lạm phát cao, ngược lại, muốn kiềm chế lạm phát ở mức độ thấp, thì cần chấp nhận tỷ lệ tăng trưởng thấp. Tuy quan điểm này chưa được kiểm chứng để đúc kết thành lý luận nhưng thực tiễn cũng đã phần nào chứng minh điều đó. Chính vì vậy để thực thi chính sách tiền tệ chống lạm phát hiện nay ở Việt Nam, phải phân tích rõ các nguyên nhân của lạm phát, để từ đó đưa ra các giải pháp thiết thực, thì việc chống lạm phát mới đạt được kết quả tốt – tức là vừa kiềm chế được lạm phát, lại vừa đạt được tăng trưởng kinh tế cao.

Phân tích nguyên nhân của lạm phát, chúng ta thấy nổi lên yếu tố khách quan, đó là sự tăng giá vật tư, nguyên liệu, xăng dầu, lương thực, thực phẩm trên phạm vi toàn thế giới, các nhà nghiên cứu còn dự báo sẽ có lạm phát cao do tình trạng khan hiếm lương thực, thực phẩm trong năm 2008 và sẽ kéo sang cả

năm 2009. Nền kinh tế nước ta khó tránh khỏi tác động và ảnh hưởng của tình trạng nói trên. Điều này chúng ta phải chấp nhận. Hơn 70% nguyên liệu cho các ngành sản xuất trong nước phải nhập khẩu từ nước ngoài, trong điều kiện giá cả tăng liên tục thì nhất định sẽ làm tăng giá thành sản phẩm trong nước – chỉ số giá sản xuất PPI (Production Price Index) và chỉ số giá hàng tiêu dùng CPI (Consumer Price Index) tăng lên là điều khó tránh khỏi. Chúng ta phải chủ động và sẵn sàng chấp nhận để có đối sách thích hợp – Như vậy cái gọi là lạm phát giá cả (Price Inflation) đã và đang xảy ra trong nền kinh tế VN, điều này chắc hẳn Chính phủ và các Bộ ngành chức năng đều đã có phân tích và đánh giá thỏa đáng. Điều này cũng là cơ sở để chúng ta không nên quá hoang mang, lo sợ trước tình trạng gia tăng của lạm phát.

Tuy nhiên, một nguyên nhân khác không kém quan trọng đó là lạm phát tiền tệ (Monetary Inflation) cũng đã xảy ra ở Việt Nam. Còn nhớ câu nói nổi tiếng của Milton Friedman – Nhà kinh tế học nổi tiếng của Mỹ, người đã góp phần đưa nền kinh tế Mỹ thoát khỏi tình trạng lạm phát kéo dài những năm 60, 70 của thế kỷ 20: “Lạm phát bao giờ và ở đâu cũng là một hiện tượng tiền tệ” Tiền tệ ở đây mà Milton Friedman nói là tiền tệ theo nghĩa rộng hơn trong đó bao hàm cả chi tiêu của Ngân sách Liên bang (chi tiêu công) và phát hành tiền của Hệ thống Dự trữ Liên bang (Federal Reserve System FED). (Trong thời gian này, Mỹ đã theo đuổi cuộc chiến tranh ở VN với chiến phí lên đến hàng trăm tỷ USD, kèm theo cuộc chạy đua vũ trang với chi phí khổng lồ đã làm cho ngân sách liên bang thâm hụt nghiêm trọng. Ngoài ra, USD được thừa nhận là đồng tiền quốc tế chủ chốt, thì mặc nhiên nó được phát hành rộng rãi để trang trải nợ nần và thâm hụt trong cán cân thanh toán quốc tế. Tất cả đã làm cho USD mất giá một cách trầm trọng, dẫn đến sự

sụp đổ của chế độ bản vị USD tháng 12/1972. Việc kiểm soát chặt chẽ các kênh phát hành tiền, kết hợp với kiểm soát và cắt giảm chi tiêu ngân sách liên Bang... đã làm cho lạm phát được kiểm soát và duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế ổn định trong vài chục năm kể từ những năm 80 của thế kỷ trước, đưa nước Mỹ trở lại thời kỳ hoàng kim vào cuối thế kỷ 20.

Ở VN, tình hình ngân sách nhà nước trong hơn 10 năm qua được cải thiện đáng kể, bội chi ngày càng giảm và nằm trong tỷ lệ hợp lý. Tuy nhiên sự lãng phí và kém hiệu quả trong chi tiêu công – đặc biệt thất thoát và kém hiệu quả trong các công trình dự án đầu tư là điều mà nhiều người đã nói đến. Nếu quả thật như vậy thì đây là vấn đề thuộc về lạm phát tiền tệ. Chính phủ từ trung ương đến địa phương, các Bộ ngành đều phải gánh chịu trách nhiệm đối với đất nước và phải nhanh chóng tìm cách khắc phục ngay và đó là biện pháp chống lạm phát thiết thực và hiệu quả nhất.

Đối với ngành ngân hàng, trong năm 2007, Ngân hàng Nhà nước VN đã phải phát hành thêm trên 150.000 tỷ VND để mua USD (đây là số liệu không chính thức), cũng đã góp phần làm gia tăng lượng tiền cung ứng khiến cho “Hiện tượng tiền tệ” của lạm phát có dấu hiệu trở dậy. Chính vì vậy Ngân hàng Nhà nước đã áp dụng các biện pháp khá mạnh, nhưng cần thiết để thiết lập sự cân bằng tương đối bằng việc nâng tỷ lệ dự trữ bắt buộc lên 11%, phát hành tín phiếu bắt buộc với khối lượng 20.300 tỷ VND, tăng lãi suất tái cấp vốn từ 6,5% lên 7,5%/năm, tăng lãi suất tái chiết khấu từ 4,5% năm lên 6,0%/năm. Tất cả những biện pháp này, tôi cho rằng sẽ phát huy tác dụng đối với

chính sách chống lạm phát. Tuy nhiên, Ngân hàng Nhà nước cần nghiên cứu để có giải pháp thích hợp nhằm duy trì hoạt động tín dụng của hệ thống NHTM, để đạt được mục tiêu tăng trưởng kinh tế.

Bài học nâng lãi suất lên rất cao để dập tắt lạm phát năm 1989 vẫn còn và chúng ta phải luôn nhớ rằng nếu chỉ chống lạm phát bằng công cụ lãi suất và tiền tệ thì chỉ thu được kết quả của một vế là chống lạm phát, nhưng sản xuất sẽ bị ngưng trệ và đó là điều rất nguy hại. Chúng ta đang thực thi chính sách thắt chặt tiền tệ vì cho rằng yếu tố tiền tệ trong lạm phát là lớn. Tuy nhiên, chúng ta đừng quên một điều mà các nhà kinh tế gọi là “nhân quả ngược”, đó là: Lạm phát cao (lạm phát giá cả) sẽ kéo theo sự gia tăng tiền tệ! Đây là một luận điểm cần nghiên cứu để vận dụng vào VN hiện nay, tránh tình trạng quá tập trung vào giải pháp thắt chặt tiền tệ của Ngân hàng nhà nước VN.

Ngoài 2 nhóm nguyên nhân nêu trên, lạm phát ở Việt Nam còn do hiện tượng tâm lý. Còn nhớ Chính phủ triển khai phương án tăng lương 20% từ quý IV/2007 nhưng ngay từ quý III giá cả thị trường đã rục rịch tăng lên một cách vô cơ và xã hội phải chấp nhận. Từ những mặt hàng tiêu dùng hàng ngày, người bán lẻ chủ động tăng giá, đến hàng hóa dịch vụ lớn cũng được các doanh nghiệp “đón đầu” tăng giá – có thể nói đây là một hiện tượng khá phổ biến ở Việt Nam trong nhiều năm qua và góp phần gia tăng lạm phát. Vấn đề này rất khó xử lý trong điều kiện của thể chế thị trường. Chính quyền và cơ quan quản lý thị trường các cấp có thể tìm ra đối sách gì cho vấn đề này?

Tóm lại, chính sách tiền tệ chống lạm phát hiện nay ở VN là một chính

sách đúng. Cần phải có sự tham gia hành động và phối hợp chặt chẽ giữa Chính phủ trung ương với chính quyền địa phương, giữa các cơ quan, Bộ, ngành của Chính phủ – Tránh tình trạng trống đánh xuôi, kèn thổi ngược như đã xảy ra một số trường hợp gần đây, khiến cho mục tiêu chống lạm phát khó đạt được như mong muốn.

Nếu có cân nhắc, so sánh, lựa chọn giữa hai trạng thái của nền kinh tế: Một nền kinh tế có lạm phát (có thể cao hơn 10%) và đạt được tỷ lệ tăng trưởng kinh tế bằng hoặc cao hơn năm trước với nền kinh tế có lạm phát thấp nhưng không có tăng trưởng kinh tế, thậm chí kinh tế sẽ bị suy thoái. Thì nhất định chúng ta sẽ lựa chọn trạng thái thứ nhất tức là nền kinh tế tăng trưởng và có lạm phát. Nếu chúng ta có sự lựa chọn này thì luồng vốn tín dụng thông qua hệ thống ngân hàng thương mại phải được duy trì với tỷ lệ tăng trưởng hợp lý, kèm theo các chính sách để khuyến khích sản xuất sẽ góp phần đáng kể cho tăng trưởng kinh tế. Kiểm soát và nâng cao hiệu quả chi tiêu công, chống tham nhũng lãng phí tiền vốn của ngân sách nhà nước sẽ góp phần ngăn chặn lạm phát. Đó là định hướng của chính sách tiền tệ chống lạm phát của VN trong giai đoạn hiện nay ■

Tài liệu tham khảo:

- Nghiệp vụ NHTW- Trường Đại học Kinh tế TP.HCM
- Trang web của Chính phủ: www.chinhphu.vn
- Trang web của NHNN Việt Nam: www.sbv.gov.vn
- Tạp chí Ngân hàng các số 22, 23, 24 năm 2007, các số 1, 2, 3, 4, 5 năm 2008
- Trang web: vietnamnet.vn
- Lựa chọn thành công- Bài học từ Đông Á và Đông Nam Á cho tương lai của Việt Nam. Tài liệu nghiên cứu do tổ chức LHQ tại Việt nam tài trợ chương trình châu Á của Đại học Harvard.